

Cần Thơ, ngày 27 tháng 9 năm 2013

## **BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2012-2013 & PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NĂM HỌC 2013-2014**

### **Phần I:**

#### **CÁC VẤN ĐỀ CHUNG**

Năm 2012-2013, tổ chức các đơn vị của Khoa gồm 1 Tổ Văn phòng và 6 Bộ môn. Khoa đã giải thể 2 Trung tâm (Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao CN thủy sản và Trung tâm thực hành, thực nghiệm nuôi trồng thủy hải sản) vì công tác chuyên môn được sáp nhập vào các Bộ môn.

Về nhân sự, trong năm qua có nhiều nhiều thay đổi: 3 cán bộ được chuyển công tác sang Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn; 1 cán bộ chuyển đến công tác tại Phòng Kế hoạch Tổng hợp của Trường; 5 cán bộ được điều động giữa các Bộ môn; 2 cán bộ nghỉ chế độ hưu trí và 1 cán bộ là PGs mất do bệnh đột ngột. Hiện tại, Khoa có 108 CBVC (58 nam và 50 nữ), trong đó có 54 CBGD, 3 giảng viên thực hành và 1 PVGD, (giảm 5, tăng 1), 8 CBVC hợp đồng dài hạn trường trả lương và 42 CB hợp đồng đơn vị trả lương (chiếm 39%).

Về trình độ CBVC, Khoa có 30 tiến sĩ (tăng 4, giảm 2 do nghỉ hưu và mất), 37 thạc sĩ (tăng 5, giảm 8 do chuyển công tác và nâng trình độ lên tiến sĩ), 29 kỹ sư/cử nhân (tăng 8, giảm 9 do chuyển công tác, nghỉ việc và nâng cao trình độ lên thạc sĩ), 1 cử nhân cao đẳng, 5 trung cấp và 6 trình độ khác.

Về chức danh của CBVC, Khoa có thêm 1 CB được bổ nhiệm PGS và giảm 1 do mất đột ngột nên tổng số PGS của khoa hiện vẫn là 11, 24 giảng viên chính (giảm 1), 30 giảng viên (tăng 1, giảm 4 do chuyển công tác và nghỉ hưu), 3 giảng viên thực hành, 1 Phục vụ giảng dạy (Bảng 1).

### **Phần II:**

#### **TỔNG KẾT CỤ THỂ HOẠT ĐỘNG NĂM HỌC 2012-2013**

##### **2.1 Chính trị tư tưởng**

CBVC trong Khoa nhìn chung có ý thức chính trị tư tưởng tốt; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước cũng như nội quy và qui định của Bộ, Trường và đơn vị. Đa số CBVC tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị do Trường tổ chức và thực hiện tốt công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác hành chính theo chức trách được phân công.

##### **2.2 Công tác đào tạo**

###### **a) Đào tạo đại học**

Số sinh viên Khoa quản lý trong năm học 2012-2013 là 1.711, tương đương với số lượng trong năm học 2011-2012. Số sinh viên mới trúng tuyển vào Khoa (K39) là 444 với 6 ngành/chuyên ngành đào tạo. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp năm học 2012-2013 của khoá 35 là 87,3% (Bảng 2).

Tổng khối lượng giảng dạy bậc đại học và sau đại học năm học 2012-2013 là 37.553 giờ chuẩn; trong đó, hệ chính qui 29.841 giờ, hệ vừa làm vừa học 1.784 giờ và sau đại học 5.928 giờ. Bình quân, mỗi giảng viên đạt 625 giờ chuẩn/năm.

### ***b) Đào tạo sau đại học***

Số học viên (HV) SDH hiện Khoa đang quản lý là 189; trong đó, 2 ngành ở bậc thạc sĩ chiếm 153 và NCS là 36. Trong kỳ tuyển sinh đợt 2 năm 2013, có 4 hồ sơ dự tuyển NCS.

Trong năm học qua, công tác tổ chức hội đồng chấm/bảo vệ luận văn Thạc sĩ và luận án Tiến sĩ được thực hiện rất tốt, đảm bảo được tính khách quan và chính xác. Khoa đã tổ chức: 02 đợt chấm/bảo vệ luận văn Thạc sĩ (68 HV ngành Nuôi trồng Thủy sản và 12 HV ngành Quản lý Nguồn lợi Thủy sản khóa 17 và 18); và 03 hội đồng chấm/bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở cho 3 NCS khóa 2007 và 2008.

Tiếp đó, có 61 học viên cao học đã nhận bằng tốt nghiệp Thạc sĩ đúng thời hạn, đạt 84% (Bảng 3). Trong số học viên không tốt nghiệp đúng hạn, có 4 học viên khóa 16 đã bị xóa tên do hết thời gian học tập. Đối với bậc đào tạo tiến sĩ, có 07 NCS nhận bằng tốt nghiệp gồm 05 NCS khóa 2006 và 02 NCS khóa 2007.

Nhìn chung, công tác đào tạo SDH của Khoa đang từng bước được chấn chỉnh để nâng cao ý thức học tập của HV và NCS, đồng thời đảm bảo chất lượng đào tạo. Các nội dung và bước thực hiện trong việc chấn chỉnh đã được thông qua và nhất trí của Hội đồng Khoa, sẽ được áp dụng trong năm học 2013-2014.

### ***c) Công tác nâng cao chất lượng và cải tiến phương pháp giảng dạy***

Các giải pháp khác nhau đã được áp dụng để nâng cao chất lượng đào tạo:

+ Phương tiện giảng dạy và nghiên cứu tiếp tục trang bị bổ sung từ kinh phí các chương trình/dự án (CUD, Trashfish, DANIDA, NAGAO, SEAT, ECOST...), nguồn ngân sách cấp cho chương trình tiên tiến và kinh phí thường xuyên.

+ Trại wetlab 1.000 m<sup>2</sup> đã được đưa vào sử dụng, dãy nhà thí nghiệm A5 được xây dựng hàng rào an toàn, sạch đẹp. Đa số các phòng học đã được gắn rèm che nắng.

+ Xuất bản 4 sách tham khảo phục vụ giảng dạy & nghiên cứu khoa học;

+ Đăng ký biên soạn 5 giáo trình dạy ĐH và sẽ hoàn thành vào cuối tháng 11/2013;

+ Cải tiến công tác xếp thời khóa biểu để tránh tình trạng sinh viên bị trùng giờ lý thuyết và thực hành. Tuy nhiên, vẫn còn một số môn không tránh khỏi tình trạng này, chẳng hạn như các môn TTGT KTN nước ngọt phải được bố trí thực hành vào thứ Bảy và Chủ Nhật, do bị trùng giờ học lý thuyết vào các ngày trong tuần.

+ Thực hiện tốt phiếu nhận xét học phần và nhật ký giảng dạy;

+ Tham gia tự đánh giá chương trình đào tạo tiên tiến ngành Nuôi trồng Thủy sản theo chuẩn AUN, dự kiến sẽ được đánh giá ngoài vào giữa năm 2014.

Với nhiều nỗ lực và quyết tâm cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa đã thực hiện được những bước tiến và kết quả nhất định. Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng các trang thiết bị của Khoa cần phải được thực hiện và tận dụng hiệu quả hơn. Trong năm qua đã xảy ra một trường hợp mất cắp thiết bị, chính vì vậy cần tăng cường công tác quản lý tài sản tốt hơn nữa.

Năm học 2012-2013 là năm thứ ba thực hiện chương trình đào tạo 120 tín chỉ. Nhìn chung, cả Thầy và trò đã dần thích ứng được với chương trình đào tạo mới. Nhiều sinh viên tích cực trong việc tự học nên kết quả học tập đạt được rất tốt, tỉ lệ sinh viên/học viên tốt nghiệp khá giỏi đúng thời hạn tăng. Các Bộ môn và các thầy/cô trong Khoa đã rất nỗ lực trong việc hoàn thành khối lượng công tác giảng dạy. Tình trạng cán bộ vắng giờ, đổi giờ, dạy chậm kế hoạch đã được khắc phục đáng kể so với những năm học trước, điều này thể hiện Thầy Cô đã lấy nhiệm vụ giảng dạy là quan trọng hàng đầu so với các nhiệm vụ khác. Khoa cũng đã phân cấp khá triệt để trong việc tổ chức thực hiện luận văn tốt nghiệp sinh viên đại học cho các đơn vị. Tình trạng một số ít CBGD không đủ hoặc vừa đủ giờ chuẩn đã không còn do các bộ môn đã làm tốt công tác phân công giảng dạy.

Bên cạnh những thành tích, vẫn còn nhiều việc cần phải tiếp tục được chấn chỉnh:

+ Việc cải tiến phương pháp giảng dạy chưa được thực hiện đồng đều. Năng lực giảng dạy các môn mới của cán bộ cần được tiếp tục cải thiện; vẫn còn một vài CBGD chỉ giảng dạy các nội dung thu thập được từ sách, thiếu các nghiên cứu khoa học liên quan đến lãnh vực chuyên môn đang giảng dạy, một số CBGD thiếu cập nhật thường xuyên các kiến thức thực tế nên việc giảng dạy chưa đáp ứng yêu cầu của người học. Sự quá tải của một số giáo viên và quá tải phòng thí nghiệm cho thực tập môn học, thực tập giáo trình và luận văn tốt nghiệp.

+ Chưa có biện pháp để giúp sinh viên sử dụng hiệu quả 2 giờ tự học.

+ Sự tăng tỉ lệ sinh viên khá giỏi đột biến chưa thể hiện đúng thực lực của SV. Điều này cho thấy phương pháp đánh giá học phần và thang điểm đang áp dụng là chưa hợp lý cần được điều chỉnh.

+ Chương trình đào tạo còn nặng về lý thuyết, giờ thực thực tập và thực hành còn quá ít nên sinh viên phần lớn sinh viên chưa nắm vững các kỹ năng nghề nghiệp, thiếu các kỹ năng mềm. Do đó, sinh viên hòa nhập và thích ứng kém với công việc sau khi ra trường.

+ Nền nếp học tập của đa số học viên cao học và nghiên cứu sinh kém, tinh thần học tập chưa thực sự nghiêm túc.

## **2.3 Công tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước**

### ***a) Hợp tác quốc tế***

Trong năm 2012-2013, Khoa Thủy sản tiếp nhận 2 dự án mới hợp tác mới (i) Dự án RIP – Artemia do VLIR-UOS –Belgium tài trợ với đối tác là Đại học Ghent , và (ii) Dự án nghiên cứu về “Biến đổi khí hậu lên nuôi trồng thủy sản nhiệt đới” (iAQUA) do DANIDA tài trợ, với đối tác là Đại học Aarhus, nâng tổng số dự án hợp tác quốc tế hiện có của Khoa lên 12.

Khoa đã đang phối hợp triển khai chương trình VLIR-Network. Khoa cũng đang tích cực xúc tiến xây dựng dự án ODA-JICA, các dự án Nutritious Ponds – Hà Lan, Dự án cá tạp – Hoa Kỳ, Dự án Trung tâm đào tạo và trang trại mẫu (Phối hợp với Đại học Bách Khoa Hà Nội), dự án Trại cá với công ty De Hues, Dự án Hệ thống nuôi cá tra hiện đại – DANIDA. Triển khai thực hiện các khảo nghiệm cho các công ty quốc tế. Tiếp tục đề xuất các dự án với tổ chức WorldBank cho người nghèo, dự án hợp tác với Nga, Venezuela...

Khoa đã tiếp đón 60 Đoàn với 283 khách quốc tế đến làm việc, tham quan, tập huấn, triển khai các dự án hợp tác quốc tế và tham gia giảng dạy tại Khoa.

Khoa đã ký thỏa thuận hợp tác (MOU và MOA) về đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, trao đổi sinh viên với một số tổ chức: Công ty Việt – Nga (Bến Tre); Công ty TNHH Trung tâm sản xuất sạch hơn, thuộc Đại học Bách Khoa Hà Nội; Tổ chức Sustainable Fisheries Partnership (SFP), Hoa Kỳ; Đại học Penghu – Đài Loan; Đại học Rajamangala – Thái Lan.

Bên cạnh đó, Khoa đã cử 50 lượt cán bộ đi công tác ở nước ngoài. Trong đó, 38 lượt cán bộ tham dự Hội thảo/Hội nghị, tham quan, hợp trao đổi thông tin trong khuôn khổ thực hiện các dự án NCKH và Hợp tác quốc tế; 12 lượt cán bộ đi tập huấn ngắn hạn, học tập (thạc sĩ, tiến sĩ) nâng cao trình độ. Ngoài ra, trong chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản tiên tiến, Khoa đã tổ chức cho 30 sinh viên NTTS tiên tiến K 34 & K35 (2 SV) đi tham quan học tập ở Thái Lan, giao lưu với Đại học Kasesart và Viện Công nghệ Châu Á (AIT) từ 06-12/01/2013 và trình bày 6 bài báo cáo từ kết quả nghiên cứu của đề tài tốt nghiệp.

### ***b) Hợp tác trong nước***

Bên cạnh việc tiếp tục tăng cường hợp tác với các tỉnh trong vùng ĐBSCL, Khoa đã tiếp cận được nguồn kinh phí đầu tư từ Bộ GD-ĐT, từ Quỹ hỗ trợ phát triển (Nafosted)- Bộ KH&CN và các nguồn kinh phí đầu tư khác, trực tiếp hay qua các trung gian Viện, Trường, nhằm tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH của khoa.

Trong năm, Khoa quản lý tổng cộng 38 đề tài hợp tác trong nước:

- *Cấp Tỉnh*: 14 đề tài, trong đó 4 đề tài vừa được duyệt năm 2013 và tiếp tục thực hiện 10 đề tài của các năm trước. Trong năm, đã có 5 đề tài được nghiệm thu chính thức.

- *Cấp Bộ*: Giao cho CB Khoa làm chủ nhiệm 3 đề tài cấp Bộ mới trực thuộc ĐHCT quản lý; hợp tác với các Viện, Trường 2 đề tài cấp Bộ, chủ trì 1 đề tài cấp Bộ của Tổng cục Thủy sản. Nghiệm thu chính thức 5 đề tài và tiếp tục thực hiện 6 đề tài cấp Bộ của các năm trước; tiếp tục thực hiện 2 đề tài của Quỹ hỗ trợ phát triển (Nafosted).

- *Cấp trường*: chủ nhiệm mới 5 đề tài và nghiệm thu 5 đề tài của năm 2012.

- *Hoạt động NCKH của SV*: trong tổng số 5 đề tài có 2 đề tài năm 2012 chuẩn bị nghiệm thu và 3 đề tài của năm 2013 đang thực hiện.

## **2.5 Tập huấn, chuyển giao công nghệ và hội nghị, hội thảo**

### ***a) Hoạt động tập huấn và chuyển giao công nghệ***

Năm 2013 Khoa đã và đang thực hiện các hoạt động tập huấn đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ, cụ thể là:

+ Đào tạo nghề nông thôn với 18 lớp đào tạo nghề cho 604 nông dân chủ yếu ở các huyện thuộc các tỉnh Hậu Giang, Cà Mau, Kiên Giang;

+ Tập huấn kỹ thuật 9 lớp cho 123 học viên là cán bộ kỹ thuật của các cơ quan ban ngành và của các công ty.

+ Xây dựng quy trình công nghệ SXG và nuôi thương phẩm cá trê vàng vùng Đồng Tháp Mười tỉnh Long An;

+ Chuyển giao công nghệ SX cá tra giống cho Công Ty Thuận An ở An Giang;

+ Xây dựng mô hình phát triển bền vững nghề nuôi cá mú, cá bớp lồng bè trên vùng biển quần đảo Nam Du, Kiên Hải, Kiên Giang.

+ Tổ chức tập huấn và chuyển giao công nghệ về SX giống Artemia cho 2 học viên Kenya. (Bảng 7-Phụ lục).

Nhìn chung, công tác tập huấn, đào tạo nghề và chuyển giao công nghệ luôn được chú trọng, ngày càng đa dạng hóa với nhiều đối tượng, nội dung, hình thức khác nhau và đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho các Bộ môn. Nổi bật trong công tác này là Bộ môn KTN TS Nước ngọt, Bộ Môn Bệnh học Thủy sản và KTN Hải sản.

### ***b) Hoạt động hội nghị, hội thảo, xuất bản và thông tin***

Hoạt động hội nghị trong nước và quốc tế đã được tổ chức thành công và đa dạng. Khoa đã phối hợp với các công ty, tổ chức quốc tế tổ chức nhiều hội thảo kết hợp với tập huấn, có hơn 350 lượt đại biểu tham dự:

+ Hội nghị Khoa học Thủy sản Quốc tế (IFS) vào tháng 12/2012 với 354 đại biểu tham dự, trong đó có 143 đại biểu nước ngoài đến từ 14 quốc gia. Cán bộ Khoa đã tích cực tham dự và đóng góp 44 bài báo cáo khoa học.

+ Hội thảo “*Trao đổi kinh nghiệm áp dụng tiêu chuẩn ASC/PAD cho các trang trại nuôi cá Tra tại Việt Nam*” phối hợp với công ty Control Union Việt Nam tổ chức vào tháng 01/2013.

+ Hội thảo “*Đối thoại với các nhà sản xuất về các vấn đề liên quan đến nuôi cá Tra*” phối hợp với tổ chức SFP, Hoa Kỳ vào tháng 01/2013.

+ Hội thảo “*Bảo tồn đa dạng sinh học thủy sản ở Đồng bằng Sông Cửu Long*” phối hợp với tổ chức NAGAO, Nhật Bản vào tháng 5/2013.

+ Hội thảo – tập huấn “*Mô tả và phân loại các loài cá ở hạ lưu sông Mê Công*” phối hợp với tổ chức MRC VN vào tháng 6/2013.

+ Hội thảo – tập huấn “*Nhu cầu dinh dưỡng của cá biển*” phối hợp với tổ chức Hiệp Hội đầu nành Hoa Kỳ (USSEC) vào tháng 6/2013.

+ Hội nghị sinh viên và cán bộ trẻ lần IV tại Đại học Nông Lâm vào tháng 6/2013 với 17 bài trình bày tại Hội nghị và 07 báo tường; đạt 4 Giải thưởng: 2 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải báo tường.

Bên cạnh đó, CB Khoa cũng tích cực gửi bài và tham dự các hội nghị quan trọng trong nước cũng như quốc tế trong năm 2013 như: Hội nghị nghề cá biển, Hải Phòng 10/2013 (16 bài); Hội nghị Công nghệ sinh học, Hà Nội 10/2013 (4 bài), APA2013-WAS, Tp.HCM 11/2013 (10 bài), và đặc biệt là Hội nghị IFS-2013, Thái Lan 11/2013 (48 bài).

Ngoài ra, Khoa đã tổ chức 11 buổi báo cáo chuyên đề tại Khoa với nhiều nội dung khác nhau và đã quy tụ được hơn 450 lượt sinh viên, học viên và CB tham dự.

Tham gia hoạt động NCKH, 01 CB của Khoa đã đạt giải Ba, giải thưởng "Tài năng khoa học trẻ Việt Nam" dành cho giảng viên trẻ năm 2012 và 02 SV tham gia NCKH đăng ký dự thi “tài năng khoa học trẻ”.

Năm qua, toàn Khoa có 7 công trình là giáo trình, sách tham khảo và luận án tiến sĩ được xuất bản. Có hơn 25 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế và hơn 50 bài báo đăng tạp chí trường và các tạp chí trong nước khác. Khoa đang xúc tiến in Tuyển tập của Hội nghị IFS 2012 với khoảng 60 bài. Khoa cũng đã photo đóng cuốn các bài báo của cán bộ trong khoa được xuất bản từ trước đến năm 2012 với 74 bài báo trong và ngoài nước, lưu hành tại thư viện, phục vụ tham khảo.

Khoa đã xây dựng và liên tục cập nhật 2 websites Tiếng Việt và Tiếng Anh, phục vụ đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hợp tác và thông tin quảng bá các hoạt động của Khoa trong và ngoài nước.

Nhìn chung, các hoạt động hội nghị, hội thảo, xuất bản, thông tin trong năm qua rất năng động, góp phần tăng cường thông tin khoa học, hợp tác trong và ngoài nước. Tuy nhiên, số bài báo xuất bản ở tạp chí quốc tế còn chưa nhiều và chưa đều.

## **2.6 Quản lý và xây dựng tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ viên chức**

### ***a) Xây dựng tổ chức bộ máy, tuyển dụng và quản lý nhân sự***

Trong năm, Khoa đã đề nghị bổ nhiệm mới 1 Phó Trưởng Bộ môn theo nhiệm kỳ của Trưởng Khoa (2012-2017); Điều động 1 CB BM Quản lý và KTNC về BM Thủy sinh học ứng dụng; 1 CB từ BM Thủy sinh học ứng dụng sang BM Bệnh học TS và 01 CB từ BM Bệnh học TS về BM Kỹ thuật nuôi Hải sản và 2 CB (*HD đơn vị trả lương*) từ Trung tâm Ứng dụng và CGCN TS (do TT bị giải thể) về BM KTN Hải sản và BM Dinh dưỡng & CBTS. Khoa đã thực hiện việc phân công, phân nhiệm các thành viên lãnh đạo, các Trợ lý cấp Khoa và cấp Bộ môn/Văn phòng Khoa.

### ***b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBGD và cán bộ quản lý***

Khoa đã cử 4 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ (1 ngoài nước) và 6 thạc sĩ (4 ngoài nước). Cử 2 CB đi học lớp BD Kiến thức Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính; 3 CB đi học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; 1 CB học bồi dưỡng ngoại ngữ; 1 CB tham gia học lớp kiến thức Quốc phòng – An ninh đối tượng 3; 3 CB đi học lớp cán bộ quản lý khoa, phòng, bộ môn năm 2013; và 1 cán bộ đi học lớp Cao cấp lý luận Chính trị - Hành chính.

Nhìn chung, công tác xây dựng và tổ chức bộ máy đơn vị nhiệm kỳ mới của Khoa đã đi vào hoạt động ổn định và cải thiện hiệu quả việc thực thi công tác ở cấp Khoa và Bộ môn.

## 2.7 Công tác khác

### a) Công tác tài chính

Các nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của Khoa trong năm qua gồm:

+ Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo đại học & SDH 2,6 tỉ đồng bao gồm: đại học hệ chính qui: 2,17 tỉ đồng; đại học hệ vừa làm vừa học: 16 triệu đồng; SDH: 0,41 tỉ đồng

+ Ngân sách nhà nước cấp cho chương trình đào tạo tiên tiến ngành NTTS là 5,2 tỉ đồng. Khoa đã quản lý sử dụng hiệu quả nguồn tài chính này đúng mục đích và phù hợp với qui định. Ngoài ra, trong năm Khoa và các đơn vị cũng quản lý và sử dụng nguồn vốn khá lớn từ các đề tài dự án và hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật, ước tính khoảng 12 tỉ đồng.

Nguồn tài chính lưu thông trong năm của Khoa tương đối lớn nên công tác tài chính luôn được quan tâm và cố gắng cải tiến sao cho các hoạt động của Khoa được nhịp nhàng, nhanh chóng nhưng đáp ứng được qui định chi tiêu. Nguồn lực tài chính cho hoạt động chung của Khoa thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ cũng khá lớn và đảm bảo tối thiểu cho các hoạt động chung của Khoa. Ngoài ra, Khoa cũng đã tích cực trong việc vận động các đơn vị tài trợ để tổ chức những sự kiện khoa học và đào tạo của Khoa và hỗ trợ chi phí cho nâng cao cơ sở vật chất.

### b) Công tác hành chính

Duy trì hội ý giữa Ban chủ nhiệm, Bí thư Đảng ủy và Chánh Văn phòng và tiến hành họp giao ban với các đơn vị mỗi 2 tuần/lần để triển khai công tác chỉ đạo của nhà trường và các hoạt động định hướng của Khoa. HĐ Khoa họp định kỳ mỗi tháng nhằm đề xuất các giải pháp chấn chỉnh công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Khoa.

Sắp xếp và cải tiến phương thức tổ chức, quản lý công tác hành chính theo hướng điều chỉnh và phân công lại nhiệm vụ của các trợ lý chuyên trách để nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ văn phòng.

Thực hiện chuyển đổi tốt công tác hành chính điện tử theo chỉ đạo của nhà trường trong các hoạt động quản lý và đào tạo. Chỉ đạo triển khai công tác văn thư của Trường và Khoa đến các đơn vị Bộ môn và Trung tâm thuộc Khoa, tổng hợp, điều phối và đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng kế hoạch thời gian. Thực hiện công tác lưu trữ công văn đầy đủ theo qui định.

Không ngừng cải tiến trang Web của Khoa, cập nhật thông tin cần thiết phục vụ cho các hoạt động: hành chính, đào tạo và quản lý sinh viên (thông báo, quy chế học vụ, mẫu đơn, học bổng cho sinh viên,...). Quản lý chặt chẽ và đưa vào sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phòng học, hội trường, phòng máy tính công thuộc nhà học Khoa Thủy sản... phục vụ đặc lực giảng dạy và hội họp ở Khoa

Khoa luôn quan tâm đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tổ Văn phòng nhằm đáp ứng cho công tác quản lý trong giai đoạn mới. Tính đến nay, Khoa đã qui hoạch đào tạo được 6 CB theo học lớp QL nhà nước ngạch chuyên viên và có 2 CB đã học xong lớp QL Nhà nước ngạch chuyên viên chính.

Nhìn chung công tác hành chính của Khoa đã đi vào nề nếp, các trợ lý đã bước đầu đáp ứng được yêu cầu công tác Khoa giao, các bước xử lý có nhanh và hiệu quả hơn. Tuy vậy trong thời gian tới Khoa sẽ kiện toàn công tác tổ chức theo định biên của nhà trường về số lượng nhân sự Văn phòng, từ đó sẽ phân công, điều phối lại một số công việc cho các trợ lý để nâng cao hiệu quả công tác.

### c) Giữ gìn an ninh trật tự và bảo hộ an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy

Công tác giữ gìn an ninh chính trị và đảm bảo trật tự an toàn trong Khoa có những thay đổi đáng kể. Một số biện pháp nhằm tăng cường bảo vệ trật tự trong Khoa đã được triển khai có hiệu quả như: quy định khách đến liên hệ công tác phải làm thủ tục tại cổng bảo vệ; đảm bảo lịch trực cơ quan 24/24 kể cả thời gian Lễ/Tết; tiến hành

tuần tra mỗi buổi theo qui định; cán bộ viên chức và sinh viên phải đeo bảng tên khi vào Khoa. Đội cờ đỏ khoa được thành lập và duy trì đến nay đã thường xuyên nhắc nhở sinh viên mặc trang phục theo đúng qui định khi vào Khoa. Nhờ thực hiện nghiêm túc các quy định trên nên đã kiểm soát được số người ra vào, đảm bảo an ninh trật tự trong Khoa.

Công tác phòng chống cháy nổ được thực hiện tốt. Các thiết bị PCCC được bảo quản và kiểm tra thay thế theo định kỳ; thực hiện tốt qui định tham gia tập huấn về nghiệp vụ PCCC do Trường đề ra. Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện và phương tiện phòng cháy chữa cháy, tình hình sử dụng máy móc thiết bị đảm bảo an toàn lao động ở các phòng thí nghiệm, trạm trại, yêu cầu có nhật ký sử dụng thiết bị; nhắc nhở sinh viên thực tập mặc đồ bảo hộ và đeo khẩu trang.

Giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách của nhà trường về an ninh, trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội trong tình hình mới cho CBVC và sinh viên nắm rõ.

#### ***d) Chăm lo đời sống cán bộ công chức và sinh viên***

Phát huy kết quả những năm qua, Khoa tiếp tục đẩy mạnh việc quan tâm chăm lo và cải thiện đời sống CBVC và sinh viên trong khoa.

Khoa đã thực hiện việc nâng lương theo định kỳ được thực hiện công khai, dân chủ, theo đúng quy định của nhà trường. Tiến hành chi trả mức lương mới cho CBVC do đơn vị tự trả lương kịp thời, đúng chế độ; duy trì các chế độ trợ cấp, phụ cấp, bồi dưỡng cho CBVC nhằm tăng thu nhập giải quyết khó khăn như bồi dưỡng cho CBVC trong kỳ nghỉ hè, các dịp lễ Tết (30/4, 20/11, Tết); hỗ trợ kinh phí cho CBVC khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chi quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 1/6 và tết Trung thu.

Các chế độ chính sách đối với người lao động như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hộ lao động, chế độ nghỉ ốm đau, thai sản... đều được thực hiện theo đúng quy định. Tổ chức thăm hỏi, hiếu hỷ, trợ cấp các CBVC có hoàn cảnh khó khăn. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các phong trào thể dục, thể thao được tổ chức đã thu hút đông đảo CBVC tham gia, tạo được không khí đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong Khoa.

Công tác thi đua, khen thưởng tiếp tục được đổi mới. Việc bình xét danh hiệu thi đua đảm bảo công bằng, chính xác, công khai từ đơn vị cơ sở.

Phối hợp cùng với các tổ chức đoàn thể trong khoa (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi hội cựu sinh viên) thực hiện tốt công tác chính sách, chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần của Sinh viên. Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phong trào của Công đoàn và đoàn thanh niên Khoa tổ chức đón tân sinh viên, tặng thưởng cho sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và hội diễn văn nghệ; xây dựng quỹ Khuyến học Khoa Thủy sản. Ngoài ra Khoa thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

#### ***e) Công tác xã hội***

Cán bộ trong Khoa đã tích cực tham gia những hoạt động xã hội do Đảng, Chính quyền, Công đoàn và Đoàn Thanh niên tổ chức và các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Đã tích cực đóng góp quỹ từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, khuyến học, cứu trợ trẻ em nghèo, hỗ trợ các cán bộ về hưu gặp khó khăn, hỗ trợ đồng nghiệp và sinh viên gặp hoạn nạn...

Đoàn thanh niên Khoa đã phát huy vai trò nòng cốt chính trị trong sinh viên, đã triển khai nhiều hoạt động trên một số lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là phong trào học tập, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và công tác xã hội thiết thực như: tình nguyện hiến máu nhân đạo, tổ chức thăm hỏi trẻ em mồ côi, viện dưỡng lão, chương trình tiếp sức mùa thi... Thông qua các hoạt động này đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của đoàn viên thanh niên với Khoa, Nhà trường và với cộng đồng.

## **Phần III:**

### **PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NĂM HỌC 2013-2014**

#### **3.1 Chính trị tư tưởng**

Thực hiện nghiêm túc các đợt sinh hoạt chính trị tư tưởng và nội qui của Trường và Khoa; tiếp tục tổ chức thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn thể CBVC; triển khai thực hiện cuộc vận động “Thực hành tiết kiệm chống lãng phí” trong toàn thể cán bộ và sinh viên. Bên cạnh, mỗi CBVC phấn đấu là một tấm gương về đạo đức cho sinh viên học tập.

#### **3.2 Công tác đào tạo đại học và sau đại học**

##### ***Đào tạo đại học***

Điều chỉnh chuẩn đầu ra và những kỹ năng cần thiết cho các chương trình ĐT các bậc đại học, đồng thời xây dựng chương trình đào tạo mới áp dụng cho khóa 40.

Tích cực cùng với nhà trường chấn chỉnh công tác QL đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến PP đánh giá học phần nhằm đánh giá đúng năng lực của SV.

Tăng cường kỹ năng thực hành theo hướng tăng giờ thực hành chính khóa và ngoại khóa. Kết hợp các đề tài nghiên cứu và các hoạt động sản xuất của Khoa hay các cơ sở ngoài trường để đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Liên kết các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân (cựu sinh viên) tổ chức đào tạo các kỹ năng mềm cho SV nhằm tăng tính thích ứng của SV trong công việc sau khi ra trường.

Duy trì tổ chức các buổi seminar/thuyết trình về chủ đề chuyên môn có tính thời sự, thực tiễn do các diễn giả từ các công ty, tập đoàn liên quan đến nuôi thủy sản trong và ngoài nước trình bày. Hoạt động này dự kiến duy trì đều đặn tháng/lần ở các học kỳ chính nhằm giúp CBVC và sinh viên cập nhật kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

##### ***Đào tạo sau đại học***

Khoa đang xúc tiến chuẩn bị các đề án mở ngành SĐH mới trong năm 2015 gồm Cao học ngành Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản và Tiến sĩ ngành Quản lý nguồn lợi thủy sản. Dự kiến trong năm 2014, Khoa kết hợp với Khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên mở ngành Cao học Quản lý tài nguyên ven biển.

Hướng tới thực hiện chương trình trao đổi tín chỉ bậc Cao học và đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Anh, năm 2014 Khoa sẽ xúc tiến thực hiện chương trình trao đổi tín chỉ trong nước (với Đại học Nha Trang, Đại học Nông Lâm Huế) trong khuôn khổ dự án VLIR-Network và quốc tế (với Đại học Gent, Bỉ). Khoa đang xúc tiến kế hoạch chuẩn bị đề mở Cao học tiếng Anh ngành Nuôi trồng thủy sản trong năm 2015 trong khuôn khổ dự án VLIR-Network có sự hợp tác với các viện, trường trong nước và Đại học Gent, Leuven, Bỉ. Chương trình trao đổi tín chỉ sẽ được thực hiện bước đầu với hình thức trao đổi học viên làm LVTN và sau đó tiến tới các học phần thích hợp.

Khoa sẽ tiếp tục tăng cường các biện pháp QL học tập của học viên cao học và NCS thông qua các báo cáo tiến độ và tổ chức các hoạt động học thuật, seminar đã được lập kế hoạch ở đầu mỗi năm học. Tạo điều kiện và giám sát các bộ môn thực hiện các quy định về QL quá trình học tập cũng như tham gia các hoạt động học thuật của NCS và học viên tại BM mình phụ trách nhằm tuân thủ nghiêm túc các quy định về đào tạo của Trường và Bộ cũng như nâng cao chất lượng đào tạo SĐH của Khoa.

Tiếp tục rà soát, chuẩn bị đội ngũ CBGD cho chương trình tiên tiến ngành NTTS để có thể đảm trách việc giảng dạy bằng tiếng Anh thay thế các giáo sư mời từ Đại học Auburn, Hoa Kỳ và một số trường trong khu vực. Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành NTTS tiên tiến qua các hoạt động học thuật và NCKH trong SV.



Xúc tiến hợp tác với các trường trong và ngoài nước, nhất là các trường ở khu vực Đông Nam Á để mở rộng và phát triển chương trình đào tạo liên kết bằng tiếng Anh qua việc trao đổi cán bộ, sinh viên giữa các trường.

Xúc tiến giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh cho học viên Cao học để có thể đáp ứng được yêu cầu trao đổi tín chỉ với Đại học Gent.

### **3.3 Hợp tác trong và ngoài nước**

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các đề tài, dự án trong và ngoài nước đang thực hiện. Tiếp tục xúc tiến các dự án quan trọng là Dự án ODA (JICA - Nhật Bản), dự án Wordbank, các dự án Cá tạt – Hoa kỳ, dự án Nutritious ponds – Hà Lan, các dự án Nuôi cá tra hiện đại – Danida, và dự án hợp tác với Đại học Bách Khoa Hà nội.

Phối hợp với các đối tác tổ chức tốt IFS2013 tại Thái Lan. Năm 2014, Khoa sẽ tổ chức và Hội nghị Khoa học Thủy sản thường niên của Khoa, và Hội nghị quốc tế về Thủy sản và Môi trường.

Khoa sẽ xúc tiến ký kết hợp tác với các đối tác là các Trường thành viên của IFS, ký hợp tác với Trường Đại học Songkla, các công ty Hoàn Cầu, BIM, CP trong thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo... Đặc biệt, sẽ xúc tiến phối hợp với Công ty Hoàn Cầu Việt Nam xây dựng, nghiên cứu và phát triển “Ngân hàng quỹ gen sinh vật biển” ở Phú Quốc.

Khoa chủ trương đẩy mạnh đa dạng hóa hình thức hợp tác, đa cấp độ trong hợp tác và đa đối tác trong hợp tác quốc tế và trong nước. Năm tới, Khoa sẽ chủ động phối hợp với từng địa phương để có hướng hợp tác cụ thể, trong đó, trước mắt là hỗ trợ phát triển vùng Đông Hải – Bạc Liêu.

Ngoài các cơ quan, đơn vị địa phương ĐBSCL, sẽ tiếp tục mở rộng quan hệ với các Bộ, Ngành như Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quản lý tốt công tác hợp tác quốc tế và trong nước. Các lĩnh vực nghiên cứu bên cạnh nghiên cứu ứng dụng, sẽ đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản, chuyên sâu; bên cạnh các nghiên cứu vùng nước ngọt, sẽ đẩy mạnh nghiên cứu vùng ven biển và biển.

### **3.4 Tập huấn, chuyển giao công nghệ và xuất bản**

Thông qua các hình thức khác nhau, Khoa sẽ tăng cường chủ động trong giới thiệu và chiêu sinh các khóa tập huấn – chuyển giao công nghệ; kiểm soát và đảm bảo hiệu quả chất lượng đào tạo nghề, tập huấn, chuyển giao công nghệ.

Tích cực tham gia các công tác xã hội phục vụ ngành nghề, như phối hợp NC vấn đề tôm bệnh, liên kết tập huấn hỗ trợ nông dân qua các phương tiện khác nhau.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xuất bản và thông tin, nhất là bài báo quốc tế. Tăng cường biên soạn, thẩm định và in ấn giáo trình, sách tham khảo. Hằng năm, sẽ tiếp tục tổng hợp tất cả các bài báo khoa học của các cán bộ đã xuất bản trong trường, trong nước và quốc tế để đóng quyển thành “Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học của Khoa Thủy Sản” để lưu hành trong thư viện Khoa phục vụ cho học tập nghiên cứu cũng như công tác thông tin, quảng bá.

Tiếp tục cải tiến, cập nhật website Khoa cả tiếng Việt và tiếng Anh. Ngoài ra, cũng sẽ tiến hành in ấn các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu Khoa phục vụ cho công tác thông tin, hợp tác. Tăng cường quản lý tốt công tác hội nghị, tập huấn – chuyển giao công nghệ, xuất bản và thông tin.

Tích cực chuẩn bị tổ chức Hội nghị Khoa học thủy sản lần 5 và xuất bản kỷ yếu Hội nghị vào giữa năm 2014.

### **3.5 Xây dựng đội ngũ cán bộ, tổ chức và xây dựng đơn vị**

Tiếp tục tuyển dụng mới CBGD cho các ngành theo kế hoạch phê duyệt của BGH và Kế hoạch phát triển của Khoa thủy sản. Tuyển dụng nhân sự và ổn định phân công nhiệm vụ ở Văn phòng Khoa. Tiếp tục ưu tiên mọi nguồn lực để phát triển lực lượng cán bộ cho 2 chuyên ngành là Chế biến thủy sản và Kinh tế thủy sản. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBVC theo yêu cầu của ngạch, bậc. Tăng cường ngoại ngữ CBVC trẻ.

### **3.6 Công tác khác**

#### ***- Công tác tài chính***

Thực hiện chủ trương chung của nhà trường về việc quản lý nguồn kinh phí đề tài, dự án theo hướng tạo sự chủ động và tính trách nhiệm cho chủ nhiệm đề tài trong việc thực hiện đề tài và sử dụng kinh phí.

Xây dựng và thay đổi các quy định về quản lý tài chính cho phù hợp với tình hình mới nhằm đảm bảo các hoạt động của Khoa được thông suốt, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ viên chức thực hiện các nhiệm vụ của Khoa và của Trường. Bộ phận kế toán định kỳ báo cáo cho BCN Khoa về tình hình sử dụng các nguồn kinh phí của Khoa mỗi quý.

Tích cực tìm kiếm các cơ hội để tăng nguồn thu cho Khoa, Bộ môn thông qua các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Liên kết với Trung tâm dịch vụ của trường lập kế hoạch và triển khai sản xuất thực nghiệm phù hợp, vừa tận dụng cơ sở vật chất, vừa phát huy kỹ thuật và nâng cao tay nghề của cán bộ, tạo điều kiện cho sinh viên học tập, vừa tạo thu nhập cho cán bộ và đơn vị.

#### ***- Về cơ sở vật chất và an toàn lao động***

Thông qua các dự án, đề tài nghiên cứu và nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước Khoa tiếp tục tăng cường trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, sửa chữa và mở rộng khu thực hành, thí nghiệm, trang bị các phương tiện như máy chiếu, máy tính, tài liệu phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu của cán bộ và sinh viên trong Khoa. Thực hiện rà soát, đánh giá mức độ sử dụng, bảo trì và quản lý các thiết bị phòng thí nghiệm của các đơn vị. Cơ bản hoàn thành quản lý tài sản bằng phần mềm do Nhà trường cung cấp.

Ngoài ra, Khoa sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác an toàn lao động và bảo vệ tài sản và cơ sở vật chất của Khoa. Tiếp tục xây dựng, gìn giữ khuôn viên của Khoa sạch đẹp.

***- Công tác phong trào và đời sống:*** tiếp tục cùng với công đoàn và đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động về tinh thần cho CBVC trong năm.

**TRƯỞNG KHOA**